TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-PT.
Ngày: 29 - 3- 2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà TN, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông TH, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Ông TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Bà TN trình bày: Ngày 20/9/2020, Ông TH có đến nhà bà để ký hợp đồng mua lúa, bà đã đặt cọc cho Ông TH số tiền 200.000.000 đồng. Tuy

nhiên, khi đến thời hạn giao lúa cho bà, Ông TH không giao đủ số lượng lúa như trong hợp đồng, chỉ giao cho bà số lượng lúa tương ứng với số tiền 175.500.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 24.500.000 đồng. Tháng 02/2021 thì Ông THtiếp tục lấy lúa của bà bán cho người khác được số tiền 4.700.000 đồng, Ông THlấy luôn số tiền này vẫn chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông THtrả lại số tiền tổng cộng 29.200.000 đồng. Ngày 27/5/2022 BÀ TN rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.700.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền 24.500.000 đồng.

Bị đơn Ông TH (có đơn yêu cầu phản tố) trình bày: Trước đây ông có làm cò mua lúa giao cho Bà TN. Khi ông đi đặt cọc lúa cho các hộ dân, ông có nhận của bà Mỹ Nhân số tiền 200.000.000 đồng. Đến khi các hộ dân thu hoạch lúa thì BÀ TN có lấy lúa và lấy tiền cọc lại, BÀ TN lấy nhiều lần, tương ứng với số tiền 206.500.000 đồng. Nguyên nhân BÀ TN lấy tiền cọc lại là do nói giá lúa cao nên không lấy lúa. Ông nhận tiền cọc của BÀ TN 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán cho BÀ TN tương ứng số tiền 206.500.000 đồng. Do đó ông có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà TN trả lại cho ông số tiền 6.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.700.000 đồng.

Buộc Ông TH có trách nhiệm trả cho Bà TN số tiền 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Bà TN có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Ông TH chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, Ông TH có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn trả lại 6.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của Ông TH, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ theo hợp đồng mua bán lúa ngày 20/9/2020 (âm lịch) thể hiện người bán lúa là Nguyễn Thanh Hùng, người mua lúa là Bà TN. Người bán lúa là Ông TH đã nhận số tiền cọc là 200.000.000 đồng của BÀ TN. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên xảy ra tranh chấp.

[1.1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và căn cứ Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật đây là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Trong quá trình giải quyết vụ án, BÀ TN cho rằng Ông TH thực hiện việc giao lúa và trả tiền cọc cho BÀ TN tương ứng với số tiền 176.500.000 đồng và được Ông THthừa nhận.

[1.2] Ông TH có yêu cầu phản tố cho rằng BÀ TN đã nhận số tiền 206.500.000 đồng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của BÀ TN và yêu cầu Tòa án buộc BÀ TN trả lại cho ông số tiền đã trả dư là 6.500.000 đồng nhưng không được BÀ TN thừa nhận và Ông THcũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên yêu cầu của ông không được chấp nhận.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc Ông TH phải có trách nhiệm trả lại cho Bà TN số tiền 23.500.000 đồng là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông TH không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của Ông TH, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông TH.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.700.000 đồng.

Buộc Ông TH có trách nhiệm trả cho Bà TN số tiền 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Bà TN có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Ông TH chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ông TH phải nộp số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Bị đơn được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002855 ngày 08/6/2022, Ông TH phải nộp thêm số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Bà TN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 730.000 đồng (bảy trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lại số 0002747 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông TH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ông TH đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002979 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 29/3/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Ngân